

**CÔNG TY TNHH MỘT
THÀNH VIÊN CÔNG
TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN**

**Cho giai đoạn tài chính từ ngày
01/01/2014 đến ngày 31/01/2015**

**Báo cáo của Ban Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán**

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Tại ngày 31 tháng 1 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 16

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Công trình Đô thị Bến Tre (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2015.

1. Ban Giám đốc

- Giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014 gồm:

Ông Huỳnh Văn Lâm	Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Huấn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Vũ	Phó Giám đốc

- Giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2015 gồm:

Ông Nguyễn Đình Huấn	Quyền Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Vũ	Phó Giám đốc

2. Trụ sở của Công ty đặt tại số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Thành phố Bến Tre.

3. Các hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Vệ sinh đô thị (thu gom, xử lý rác thải, nhà vệ sinh công cộng, rút hầm cầu);
- Quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng;
- Quản lý, chăm sóc, bảo vệ công viên, cây xanh, hồ cảnh;
- Quản lý khai thác bến đò;
- Duy tu, bảo dưỡng cầu, đường đô thị;
- Thi công các công trình chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, đèn trang trí;
- Thi công, xây dựng các công trình dân dụng và kinh doanh địa ốc;
- Sản xuất và kinh doanh cây xanh, hoa kiểng;
- Thi công xây dựng các công viên, vườn hoa;
- Đầu tư và kinh doanh các loại hình vui chơi và giải trí: công viên, lâm viên, hồ cảnh;
- Kinh doanh các loại vật tư trang thiết bị và thi công công trình thuộc lĩnh vực vệ sinh môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường;
- Sản xuất, kinh doanh và thi công thảm bê tông nhựa nóng;
- Kinh doanh các thiết bị điện chiếu sáng công cộng, điện dân dụng.

4. Đánh giá tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2015 được trình bày trên báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 16 đính kèm.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2015 cho Công ty.

6. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 01 năm 2015, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ngày 31/01/2015 của Công ty TNHH Một Thành viên Công trình Đô thị Bến Tre phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cho đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc nhận thấy không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

Thành phố Bến Tre, ngày 27 tháng 03 năm 2015



NGUYỄN ĐÌNH HUẤN
Quyền Giám đốc



Số: 16/BCKT/2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành viên Công trình Đô thị Bến Tre (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31/01/2015, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2015 được trình bày từ trang 05 đến trang 16 kèm theo. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM

292/33/33 Bình Lợi, P.13 Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax: (84-8) 3553 3732
Email: saoviet1011@vnn.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

137 Trần Hưng Đạo, P. An Phú, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Tel: (0710) 3765 999 * Fax: (0710) 3765 766
Email: svc-ct@vnn.vn

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành viên Công trình Đô thị Bến Tre tại ngày 31 tháng 01 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại mục IV.11 trang 11 thuyết minh báo cáo tài chính, kết quả xác định giá trị doanh nghiệp phục vụ mục đích chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần thể hiện trong Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản của Công ty TNHH Một Thành viên Công trình Đô thị Bến Tre tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 do Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á thực hiện. Ảnh hưởng của kết quả xác định giá trị doanh nghiệp đã được trình bày trong báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2015.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN MẠNH QUÂN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 0180-2013-107-1

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN THỊ HỒNG THÚY
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 0176-2013-107-1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 01 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/01/2015	Tại 01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.224.455.323	35.148.055.674
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.590.405.877	1.745.055.013
1. Tiền	111		2.590.405.877	1.745.055.013
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.510.014.268	26.268.205.169
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	24.510.014.268	25.681.247.169
5. Các khoản phải thu khác	135		-	586.958.000
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	5.317.805.845	5.530.208.447
1. Hàng tồn kho	141		5.317.805.845	5.530.208.447
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		806.229.333	1.604.587.045
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	397.220.646	187.975.095
2. Tài sản ngắn hạn khác	152	V.5	409.008.687	1.416.611.950
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.184.461.906	10.058.775.948
II. Tài sản cố định	220		10.662.457.361	9.754.376.747
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	10.662.457.361	8.010.069.335
- Nguyên giá	222		17.435.491.368	15.646.464.719
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.773.034.007)	(7.636.395.384)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	1.744.307.412
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.522.004.545	304.399.201
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	7.522.004.545	304.399.201
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			51.408.917.229	45.206.831.622

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

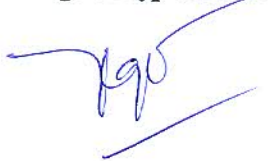
Tại ngày 31 tháng 01 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/1/2015	Tại 1/1/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.596.881.182	19.293.668.244
I. Nợ ngắn hạn	310		12.547.247.682	19.293.668.244
2. Phải trả người bán	312	V.8	3.479.812.636	34.459.000
3. Người mua trả tiền trước	313		42.152.860	620.219.000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.9	807.632.831	1.728.131.605
5. Phải trả người lao động	315		4.755.435.058	5.340.346.838
6. Chi phí phải trả	316	V.10	72.050.624	3.342.173.526
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	748.059.116	618.872.489
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		2.642.104.557	7.609.465.786
II. Nợ dài hạn	330		49.633.500	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.12	49.633.500	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		38.812.036.047	25.913.163.378
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	38.221.449.047	25.467.255.077
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	10.782.740.108
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.221.449.047	12.233.008.436
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	2.451.506.533
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		590.587.000	445.908.301
2. Nguồn kinh phí	432		590.587.000	445.908.301
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			51.408.917.229	45.206.831.622

Thành phố Bến Tre, ngày 04 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



Lê Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Trần Thị Vân Nghi

Quyền Giám đốc



Nguyễn Đình Huân

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 31/01/2015	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	65.231.196.056	66.735.927.969
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		65.231.196.056	66.735.927.969
4. Giá vốn hàng bán	11		53.517.753.716	52.909.070.945
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.713.442.340	13.826.857.024
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	28.756.472	42.431.472
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	9.120.670	241.626
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	4.743.918.843	4.666.925.662
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.989.159.299	9.202.121.208
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1.028.508.416	1.016.725.988
12. Chi phí khác	32	VI.6	625.006.402	700.030.747
13. Lợi nhuận khác	40		403.502.014	316.695.241
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.392.661.313	9.518.816.449
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.662.919.240	2.392.779.081
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.729.742.073	7.126.037.368

Thành phố Bến Tre, ngày 04 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



Lê Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Trần Thị Vân Nghi

Quyền Giám đốc



Nguyễn Đình Huân

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 31/01/2015	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.392.661.313	9.518.816.449
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.708.957.379	1.379.934.486
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(28.756.472)	(41.090.576)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.072.862.220	10.857.660.359
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.089.917.377	2.786.724.665
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	443.084.701	(334.632.968)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(9.301.114.799)	(10.002.146.899)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	124.411.432	(42.017.875)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.563.409.920)	(2.374.150.712)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	908.512.601	68.198.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(117.794.700)	(3.701.172.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	656.468.912	(2.741.537.980)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(398.837.698)	(2.287.382.681)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.756.472	42.431.472
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(370.081.226)	(2.244.951.209)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	558.963.178	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	558.963.178	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	845.350.864	(4.986.489.189)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.745.055.013	6.731.544.202
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.590.405.877	1.745.055.013

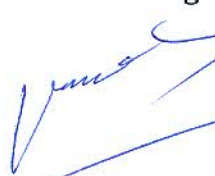
Thành phố Bến Tre, ngày 04 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



Lê Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Trần Thị Vân Nghi



Quyền Giám đốc



Nguyễn Đình Huân

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

I.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập dưới hình thức Công ty TNHH Một Thành viên hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300113091 (số cũ là 5504000011) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 18 tháng 12 năm 2006, thay đổi lần thứ 1 ngày 09 tháng 03 năm 2010.

Trụ sở đặt tại số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Thành phố Bến Tre.

Theo quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 23/10/2014 và quyết định điều chỉnh số 2701/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre, Công ty đã thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp và tiến hành cổ phần hóa.

Ngày 29/01/2015, Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là công ty cổ phần.

I.2. Hoạt động chính trong năm 2014 là:

- Vệ sinh đô thị (thu gom, xử lý rác thải, nhà vệ sinh công cộng, rút hầm cầu);
- Quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng;
- Quản lý, chăm sóc, bảo vệ công viên, cây xanh, hồ cảnh;
- Duy tu, bảo dưỡng cầu, đường đô thị;
- Thi công các công trình chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, đèn trang trí;
- Sản xuất và kinh doanh cây xanh, hoa kiểng;
- Thi công xây dựng các công viên, vườn hoa;
- Kinh doanh các thiết bị điện chiếu sáng công cộng, điện dân dụng.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

II.1. Niên độ kế toán: từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

Giai đoạn từ 01/01/2014 đến 31/01/2015 là giai đoạn từ ngày xác định giá trị doanh nghiệp (ngày 31/12/2013) đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là công ty cổ phần (ngày 29/01/2015).

II.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam(VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

III.1. Chế độ kế toán: Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

III.2. Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ

III.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2015.

V. Các chính sách kế toán áp dụng

IV.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo phương pháp giá gốc.

IV.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

IV.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ xác định theo phương pháp thực tế đích danh.
- Hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

IV.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

IV.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá; Sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình
- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
TSCĐ khác	6 năm

IV.6. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước liên quan đến năm tài chính hiện hành được ghi nhận hết vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Việc phân bổ chi phí trả trước dài hạn căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

IV.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

IV.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các chi phí thực tế chưa phát sinh được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

IV.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

IV.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

IV.11. Xác định giá trị doanh nghiệp

Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp phục vụ mục đích chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần thể hiện trong Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản của Công ty TNHH Một Thành viên Công trình Đô thị Bến Tre tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 do Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á thực hiện (sau đây sẽ gọi tắt là Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp). Ảnh hưởng của kết quả xác định giá trị doanh nghiệp đã được trình bày trong báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2015.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

V.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại 31/1/2015	Tại 1/1/2014
Tiền mặt	211.788.934 (*)	228.947.399
Tiền gửi ngân hàng	2.378.616.943	1.516.107.614
Cộng	2.590.405.877	1.745.055.013

(*) Trong đó tăng do kiểm kê xác định lại giá trị là 12.601 đồng.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

V.2. Phải thu khách hàng bao gồm

	Tại 31/01/2015	Tại 01/01/2014
BQL dự án chuyên ngành Giao thông vận tải	-	812.673.100
Trung tâm Quỹ nhà đất tỉnh	-	1.489.259.042
Công ty CP Công trình và Thương mại giao thông vận tải	2.989.954.700	1.718.248.897
Phòng quản lý đô thị Thành phố Bến Tre	9.462.832.910	11.477.088.700
Ban quản lý dự án huyện Châu Thành	-	1.816.221.500
Ban Quản lý đầu tư xây dựng huyện Chợ Lách	2.960.295.000	4.696.045.000
BQL các dự án CTGT Long An	1.973.120.278	-
Ban quản lý các dự án đầu tư Thành phố Bến Tre	1.667.677.000	109.705.000
Các khách hàng khác	5.456.134.380	3.562.005.930
Cộng	24.510.014.268	25.681.247.169

V.3. Hàng tồn kho

	Tại 31/01/2015	Tại 01/01/2014
Công cụ, dụng cụ	332.299.624	569.507.448
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.938.617.944	4.913.812.722
Hàng hóa	46.888.277 (*)	46.888.277
Cộng	5.317.805.845	5.530.208.447

(*) Hàng hóa tồn kho là giá trị 3 nền đất tại Khu tái định cư Phú Hào, xã Phú Hưng, Thành phố Bến Tre với tổng diện tích 346,8 m². Do vướng mắc giữa người được đền bù và chính quyền địa phương nên chưa giao được nền để kết chuyển doanh thu và giá vốn.

V.4. Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

Căn cứ Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị công cụ dụng cụ tăng 305.533.491 đồng do định giá lại các công cụ dụng cụ, vật rẻ mau hỏng đã phân bổ hết nhưng Công ty vẫn có nhu cầu sử dụng.

V.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Tại 31/01/2015	Tại 01/01/2014
Tạm ứng	254.003.087	225.837.350
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	155.005.600	1.190.774.600
Cộng	409.008.687	1.416.611.950

V.6. TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Số dư tại 01/01/2014	Tăng trong kỳ (*)	Giảm trong kỳ (*)	Số dư tại 31/01/2015
Nguyên giá				
Nhà cửa vật kiến trúc	5.079.771.731	657.961.532	(78.591.925)	5.659.141.338
Máy móc thiết bị	1.070.670.910	1.173.114.812	-	2.243.785.722
Phương tiện vận tải	9.419.910.083	36.542.230	-	9.456.452.313
TSCĐ khác	76.111.995	-	-	76.111.995
Cộng	15.646.464.719	1.867.618.574	(78.591.925)	17.435.491.368

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

Khoản mục	Số dư tại 01/01/2014	Tăng trong kỳ (*)	Giảm trong kỳ (*)	Số dư tại 31/01/2015
Giá trị hao mòn lũy kế				
Nhà cửa vật kiến trúc	1.332.209.017	322.982.257	(319.119.637)	1.336.071.637
Máy móc thiết bị	270.423.614	410.873.112	(48.017.023)	633.279.703
Phương tiện vận tải	5.973.469.469	961.359.566	(2.181.422.570)	4.753.406.465
TSCĐ khác	60.293.284	13.742.444	(23.759.526)	50.276.202
Cộng	7.636.395.384	1.708.957.379	(2.572.318.756)	6.773.034.007
Giá trị còn lại				
Nhà cửa vật kiến trúc	3.747.562.714			4.323.069.701
Máy móc thiết bị	800.247.296			1.610.506.019
Phương tiện vận tải	3.446.440.614			4.703.045.848
TSCĐ khác	15.818.711			25.835.793
Cộng	8.010.069.335			10.662.457.361

(*) Bao gồm:

	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ
Nguyên giá	1.867.618.574	78.591.925
bao gồm:		
Do đánh giá lại giá trị TSCĐ	368.367.613	-
Do mua sắm, đầu tư mới	1.499.250.961	-
Tăng /giảm khác	-	78.591.925
Hao mòn lũy kế	1.708.957.379	2.572.318.756
bao gồm:		
Do đánh giá lại giá trị TSCĐ	-	2.493.726.831
Do trích khấu hao	1.590.839.979	-
Tăng /giảm khác	118.117.400	78.591.925

V.7. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

	Số tiền
Chi phí sửa chữa TSCĐ chờ phân bổ	298.474.228
Giá trị 1710,8m ² đất vườn ươm	439.587.627
Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp (*)	6.783.942.690
Cộng	7.522.004.545

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp là giá trị tiềm năng phát triển của doanh nghiệp trên cơ sở tỷ suất lợi nhuận và lãi suất trái phiếu Chính phủ.

Căn cứ Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản của Công ty TNHH Một Thành viên Công trình Đô thị Bến Tre tại 31 tháng 12 năm 2013, giá trị lợi thế kinh doanh được xác định căn cứ hướng dẫn tại Khoản 7, Điều 18, Mục II, Chương III của Thông tư 202/2011/TT-BTC là 6.783.942.690 đồng.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

V.8. Phải trả người bán bao gồm phải trả cho:

	Số tiền
Công ty CP Đô thị Tân An	2.099.725.264
DNTN Xây dựng Hồng Minh	1.170.042.000
Nhà cung cấp khác	210.045.372
Cộng	3.479.812.636

V.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại 31/01/2015	Tại 01/01/2014
Thuế giá trị gia tăng	680.770.864	483.840.044
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.358.880	1.159.351.939
Thuế thu nhập cá nhân	91.503.087	84.939.622
Cộng	807.632.831	1.728.131.605

V.10. Chi phí phải trả là khoản trích trước phí kiểm toán và một số chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

V.11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Tại 31/01/2015	Tại 01/01/2014
Bảo hiểm xã hội; Kinh phí công đoàn	16.671.725	54.860.591
Phí bảo vệ môi trường	731.387.391	564.011.898
Cộng	748.059.116	618.872.489

V.12. Doanh thu chưa thực hiện là tiền nhận trước về doanh thu bán hoa kiểng Tết Nguyên Đán 2015.

V.13. Vốn chủ sở hữu

Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư tại 1/1/2014	10.782.740.108	14.684.514.969	-
Tăng trong năm	25.217.259.892	2.221.449.047	5.729.742.073
Giảm trong năm	-	(14.684.514.969)	(5.729.742.073)
Số dư tại 31/1/2015	36.000.000.000	2.221.449.047	-

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là công ty cổ phần số 1300113091 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 29 tháng 01 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 36.000.000.000; Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

	Số tiền	Tỉ lệ, %
Cổ đông là nhà nước	26.897.000.000	74,71
Cổ đông cán bộ công nhân viên Công ty	3.066.000.000	8,52
Cổ đông khác	6.037.000.000	16,77
Cộng	36.000.000.000	100

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

Chi tiết tăng/giảm nguồn vốn của chủ sở hữu:	Số tiền
Tăng do xác định giá trị doanh nghiệp, bao gồm:	
Đánh giá tăng tài sản	9.973.781.745
Chuyển từ nguồn vốn khác của chủ sở hữu	14.684.514.969
Chuyển số tiền bán cổ phần để lại doanh nghiệp tăng vốn đầu tư theo Tờ trình số 01/TTr- CTĐT ngày 07/01/2015	558.963.178
Cộng tăng	25.217.259.892

Chi tiết giảm lợi nhuận:	Số tiền
Lợi nhuận trong giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2015	5.729.742.073
Giảm do kết quả quyết toán thuế	(9.283.700)
Trích quỹ đầu tư phát triển	(2.221.449.047)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	(113.100.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.385.909.326)
Cộng	-

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

VI.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

	Từ 01/01/2014 đến 31/01/2015	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
Doanh thu công trình xây dựng	8.306.877.720	10.965.654.336
Doanh thu công trình chiếu sáng	9.245.060.154	11.256.489.107
Doanh thu công trình cây xanh	539.698.182	2.459.715.160
Doanh thu chiếu sáng công cộng	3.273.748.400	2.699.855.900
Doanh thu duy tu cầu đường	5.654.144.727	6.576.353.540
Doanh thu công viên cây xanh	15.873.479.600	15.450.989.600
Doanh thu vệ sinh đô thị	22.212.043.092	17.326.870.326
Doanh thu khác	126.144.181	-
Cộng	65.231.196.056	66.735.927.969

VI.2. Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng.

VI.3. Chi phí tài chính: lãi do chậm nộp bảo hiểm.

VI.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2014 đến 31/01/2015	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
Chi phí nhân viên quản lý	3.126.788.038	3.306.777.738
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.600.000	88.593.554
Chi phí khấu hao tài sản cố định	182.620.429	175.842.644
Thuê, phí và lệ phí	29.623.540	26.188.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.985.616	74.814.462
Chi phí bằng tiền khác	1.317.301.220	994.709.064
Cộng	4.743.918.843	4.666.925.662

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

VI.5. Thu nhập khác bao gồm:

	Từ 01/01/2014 đến 31/01/2015	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
Bán bê tông nhựa nguội	92.215.091	649.540.546
Bán thùng rác	393.432.996	152.876.363
Thu nhập khác	86.530.908	214.309.079
Hoàn nhập chi phí công trình chiếu sáng	456.329.421	-
Cộng	1.028.508.416	1.016.725.988

VI.6. Chi phí khác bao gồm:

	Từ 01/01/2014 đến 31/01/2015	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
Bán bê tông nhựa đường nguội	321.229.042	470.556.337
Bán thùng rác	153.978.000	121.847.848
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	1.340.896
Khác	149.799.360	106.285.666
Cộng	625.006.402	700.030.747

Thành phố Bến Tre, ngày 04 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Lê Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng

Trần Thị Vân Nghi

Quyền Giám đốc



Nguyễn Đình Huấn

**BIÊN BẢN KIỂM TRA THUẾ**

Tại Công ty Cổ phần (CP) Công trình Đô thị Bến Tre (Trước đây Công ty TNHH một thành viên Công trình Đô thị Bến Tre)

Căn cứ Quyết định số 312/QĐ-CT ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bến Tre về việc kiểm tra thuế tại Công ty CP Công trình Đô thị Bến Tre. Mã số thuế: 1300113091. Địa chỉ: Số 26, đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra các căn cứ pháp lý để kê khai nộp thuế và tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước tại Công ty CP Công trình Đô thị Bến Tre. (Kiểm tra giai đoạn là Công ty TNHH một thành viên công trình đô thị Bến Tre).

Thời kỳ kiểm tra: Từ ngày 01/01/2014 đến 31/01/2015

Hôm nay, ngày 16 tháng 4 năm 2015, tại Công ty CP Công trình Đô thị Bến Tre. Chúng tôi gồm:

1/ Đoàn kiểm tra:

- | | | |
|--------------------------|-----------------------|---------------|
| - Ông: Trương Văn Mãi | - TP Kiểm tra thuế | - Trưởng đoàn |
| - Ông: Nguyễn Văn Thiệp | - P.TP Kiểm tra thuế | - Thành viên |
| - Ông: Phan Văn Nghị | - Kiểm soát viên thuế | - Thành viên |
| - Ông: Nguyễn Thanh Tuấn | - Kiểm soát viên thuế | - Thành viên |
| - Ông: Bùi Ngọc Hận | - Kiểm thu viên thuế | - Thành viên |
| - Bà: Ngô Thu Hồng | - Chuyên viên thuế | - Thành viên |

2/ Công ty CP Công trình Đô thị Bến Tre:

- | | |
|-------------------------|----------------------|
| - Ông: Nguyễn Đình Huân | - Phó Giám Đốc |
| - Bà: Trần Thị Vân Nghi | - Q. Kế toán trưởng. |

Lập biên bản xác nhận kết quả kiểm tra như sau:

I/ ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ:

- Giấy chứng nhận ĐKKD số 5504000011 ngày 18 tháng 12 năm 2006, thay đổi lần thứ 1 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300113091 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 09 tháng 3 năm 2010.

- Ngành nghề kinh doanh chính: Vệ sinh đô thị, chiếu sáng công cộng, quản lý chăm sóc CVCX, duy tu cầu đường nội thị, XD vỉa hè, XD dân dụng. Quản lý, khai thác bến thủy nội địa.

- Hình thức hạch toán kê toán: Độc lập.

Trưởng Đoàn kiểm tra ký: 

Đơn vị được kiểm tra ký: 



- Niên độ kế toán: Từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12.
- Đăng ký kê khai nộp thuế tại: Cục Thuế tỉnh Bến Tre
- Hình thức kê khai nộp thuế Giá trị gia tăng: Theo phương pháp khấu trừ.
- Mục lục Ngân sách: Cấp 2, Chương 564, Loại 160, Khoản 167.

II/ NỘI DUNG KIỂM TRA TẠI TRU SỞ CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ:

1/ Số liệu kiểm tra (Từ ngày 01/01/2014 đến 31/01/2015):

Đơn vị: đồng.

STT	CHỈ TIÊU	SỐ BÁO CÁO CỦA NNT	SỐ KIỂM TRA	CHÊNH LỆCH
I/ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:				
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (BH&CC DV)	65.288.339.337	65.288.339.337	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	57.143.281	57.143.281	0
3	Doanh thu thuần về BH&CC DV	65.231.196.056	65.231.196.056	0
4	Giá vốn hàng bán	53.517.753.716	53.520.021.538	2.267.822
5	Lợi nhuận gộp về BH&CC DV	11.713.442.340	11.711.174.518	-2.267.822
6	Doanh thu hoạt động tài chính	28.756.472	28.756.472	0
7	Chi phí tài chính	9.120.670	9.120.670	0
8	Chi phí bán hàng	0	0	0
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.735.518.843	4.735.518.843	0
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.997.559.299	6.995.291.477	-2.267.822
11	Thu nhập khác	1.028.508.416	1.028.508.416	0
12	Chi phí khác	625.006.402	625.006.402	0
13	Lợi nhuận khác	403.502.014	403.502.014	0
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.401.061.313	7.398.793.491	-2.267.822
15	Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN	157.662.505	157.662.505	0
a	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	157.662.505	157.662.505	0
16	Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế TNDN	0	0	0
17	Lỗi các năm trước chuyển sang	0	0	0
18	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	7.558.723.818	7.556.455.996	-2.267.822
19	Thuế TNDN phát sinh trong kỳ	1.662.919.240	1.662.420.319	-498.921
20	Thuế TNDN được giảm miễn		0	0
21	Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	1.662.919.240	1.662.420.319	-498.921

Trưởng Đoàn kiểm tra ký: 

Đơn vị được kiểm tra ký: 

1301
CỘ
CỘ
NG T
BÊ
V TR

II/ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG:

1	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	0	0	0
2	Thuế GTGT của HH, DV mua vào được khấu trừ	2.698.270.220	2.696.002.398	-2.267.822
3	Thuế GTGT của HH, DV bán ra	4.789.036.152	4.789.036.152	0
4	Thuế GTGT phải nộp trong kỳ	2.090.765.932	2.093.033.754	2.267.822
5	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau	0	0	0

2/ Giải trình về số liệu kiểm tra:**1/ Về thuế TNDN:**

+ Giá vốn hàng bán chênh lệch tăng so báo cáo của đơn vị là 2.267.822 đồng, là tiền thuế GTGT của HH, DV mua vào không được khấu trừ của hóa đơn số 0001554 ngày 27/01/2014; (Kỳ tính thuế GTGT tháng 02/2014).

- Thuế TNDN phải nộp chênh lệch giảm 498.921 đồng do tăng chi phí giá vốn nêu trên.

2/ Về thuế GTGT:

- Thuế GTGT của HH, DV mua vào được khấu trừ chênh lệch giảm so báo cáo của đơn vị là 2.267.822 đồng, do không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng theo quy định. (Hóa đơn số 0001554 ngày 27/01/2014; Kỳ tính thuế tháng 02/2014).

- Thuế GTGT phải nộp chênh lệch tăng 2.267.822 đồng do giảm thuế GTGT của HH, DV mua vào được khấu trừ nêu trên.

III/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:

(Ghi các sắc thuế đã thực hiện kiểm tra)


Số liệu này tính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2015.

Đơn vị tính: đồng

S T T	CHỈ TIÊU	Theo dõi tồn đọng năm trước			Theo dõi phát sinh				Tổng số còn phải nộp
		Kỳ trước chuyển sang	Số đã nộp cho tồn đọng	Số còn tồn đọng	Phát sinh phải nộp trong kỳ	Số được hoàn hoặc miễn giảm trong kỳ	Số đã nộp cho phát sinh trong kỳ	Số còn phải nộp của phát sinh trong kỳ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)	(7)	(8)	(9)=(6)-(7)-(8)	(10)=(5)+(9)
1	Thuế GTGT	483.840.044	483.840.044	0	2.093.033.754	0	1.405.300.523	687.733.231	687.733.231
a	Số phải nộp	483.840.044	483.840.044	0	2.093.033.754	0	1.405.300.523	687.733.231	687.733.231
b	Số còn được khấu trừ	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Thuế TNDN	1.159.351.939	1.159.351.939	0	1.662.420.319	0	646.063.820	1.016.356.499	1.016.356.499

IV/ KIẾN NGHỊ VÀ YÊU CẦU:**1/ Kiến nghị:**

Trưởng Đoàn kiểm tra ký: 

Đơn vị được kiểm tra ký: 

0113
NG
PH
RINH
N T
E -

Kết quả kiểm tra trên đây chủ yếu dựa vào tài liệu gốc là các báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và hoá đơn chứng từ của Công ty CP Công trình Đô thị Bến Tre cung cấp, nếu sau này phát hiện có gì sai lệch khác ngoài kết quả kiểm tra trên thì giám đốc Công ty phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và các cơ quan quản lý Nhà nước.

- Về việc mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán và hóa đơn chứng từ: Đơn vị có mở sổ sách kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Về việc kê khai thuế, nộp thuế: Đơn vị có thực hiện việc kê khai thuế hàng tháng, quý, cuối năm có lập và gửi các báo cáo quyết toán thuế, báo cáo tài chính theo quy định. Tuy nhiên đơn vị đã kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào của HH, DV có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên nhưng không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng là chưa đúng quy định.

- Kết quả kiểm tra:

+ Truy thu thuế GTGT là: 2.267.822 đồng,

+ Giảm thuế TNDN phải nộp là: 498.921 đồng.

- Công ty CP Công trình Đô thị Bến Tre đã khắc phục bằng cách tự giác nộp đủ số tiền thuế phát hiện thêm qua kiểm tra vào ngân sách nhà nước theo giấy nộp tiền vào NSNN ngày 08/4/2015.

- Công ty CP Công trình Đô thị Bến Tre đã vi phạm Điểm 1, Khoản 33 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012.

- Kiến nghị xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế và xử phạt đối với hành vi khai sai đối với Công ty CP Công trình Đô thị Bến Tre theo quy định tại Điểm 1, Khoản 32 và Điểm 1, Khoản 33 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 và Điểm 4, Điều 5 Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế.

Cụ thể:

+ Tiền chậm nộp theo mức lũy tiến 0,05%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp đối với số ngày chậm nộp không quá chín mươi ngày; 0,07%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp đối với số ngày chậm nộp vượt quá thời hạn chín mươi ngày, theo quy định tại Điểm 1, Khoản 32 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13.

+ Người nộp thuế chậm nộp tiền thuế so với thời hạn quy định, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế, thời hạn trong quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế thì phải nộp đủ tiền thuế và tiền chậm nộp theo mức 0,05%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp, theo quy định tại Điểm 4, Điều 5 Luật số 71/2014/QH13.

+ Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp bị xử phạt 20% số tiền thuế khai thiếu, theo quy định tại Điểm 1, Khoản 33 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13.

2/ Các yêu cầu:

Trưởng Đoàn kiểm tra ký: 

Đơn vị được kiểm tra ký: 

3097
TY
AN
DO TH
TE
I. BEN

- Yêu cầu Công ty CP Công trình Đô thị Bến Tre thực hiện đúng các quy định của pháp luật thuế trong việc kê khai, nộp thuế.

- Nộp tiền phạt khi có quyết định của cơ quan thuế.

- Nộp đủ số tiền thuế còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền thuế TNDN đơn vị đã nộp từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/01/2015 là: 2.786.912.299 đồng. Trong đó có chứng từ mẫu số C1-02/NS ngày 30/01/2015 với số tiền nộp thuế TNDN tạm nộp năm 2014 là: 981.496.540 đồng, nhưng ngày 31/01/2015 và ngày 01/02/2015 trùng ngày thứ 7 và chủ nhật cho nên ngày 02/02/2015 Kho bạc mới nhận được chứng từ hạch toán nộp vào 02 tháng 2 năm 2015. Vì vậy số tiền thuế TNDN 981.496.540 đồng vào hệ thống chương trình quản lý thuế là ngày 02/02/2015.

- Đề nghị Phòng kê khai & Kế toán thuế điều chỉnh tăng số tiền thuế GTGT phải nộp là: 2.267.822 đồng, giảm số tiền thuế TNDN phải nộp là: 498.921 đồng cho phù hợp.

V/ Ý KIẾN CỦA ĐƠN VI ĐƯỢC KIỂM TRA:

Biên bản được thông qua vào hồi 16 giờ 00 cùng ngày. Biên bản gồm có 05 trang, được lập thành 4 bản có nội dung, giá trị pháp lý như nhau và cùng ký vào từng trang biên bản. Biên bản được gửi:

- 01 bản gửi Công ty CP Công trình Đô thị Bến Tre.
- 01 bản gửi Phòng Kê khai kế toán thuế.
- 01 bản lưu Đoàn kiểm tra.
- 01 bản lưu Phòng kiểm tra thuế./.

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
PHÓ GIÁM ĐỐC Q. KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
TRƯỞNG ĐOÀN



Nguyễn Đình Huấn Trần Thị Vân Nghi

Trương Văn Mãi

Trưởng Đoàn kiểm tra ký: _____

Đơn vị được kiểm tra ký: _____